TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA HANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **81**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 9 - 2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Quang Toán
Ông Nguyễn Đức Nhâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Duy Minh Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang* tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 55/2024/TLST-HNGĐ, ngày 17/7/2024 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST – HNGĐ, ngày 11/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Ph, sinh năm 1995.
Địa chỉ: Thôn X, xã G, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh Triệu Văn T, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Thôn X, xã G, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

(*Nguyên đơn chị Hoàng Thị Ph có mặt; bị đơn anh Triệu Văn T vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị Ph trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Văn T tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện N, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 06/5/2015. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại thôn X, xã G, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến khoảng năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong

làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Anh T có tính vũ phu lại hay ghen tuông nên thường xuyên chửi bới, đánh đập, xúc phạm chị. Vì các con còn nhỏ nên chị cố gắng chịu đựng. Tuy nhiên, đến khoảng năm 2022 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, anh T đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị thường xuyên hơn. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh T vẫn không chịu sửa chữa, thay đổi nên chị đã bỏ đi làm ăn xa và sống ly thân với anh T từ tháng 5/2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Triệu Văn T đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ, nuôi dạy con cái trưởng thành được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Văn T, để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Triệu Văn T có 02 con chung là cháu Triệu Yến Ch, sinh ngày 22/9/2014 và cháu Triệu Kiều V, sinh ngày 18/12/2015. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Kiều V và giao cháu Triệu Yến Ch cho anh Triệu Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh Triệu Văn T phải thực hiện cấp dưỡng đối với cháu Triệu Kiều V.

Về tài sản, đất đai chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị chưa tạo lập được tài sản, đất đai gì chung, do đó chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn anh Triệu Văn T không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 07/8/2024, Tòa án nhận được Đơn đề nghị viết tay của anh Triệu Văn T do Bưu điện chuyển đến. Trong Đơn đề nghị anh Triệu Văn T trình bày: Năm 2022, anh và chị Hoàng Thị Ph cùng nhau đi làm thuê ở tỉnh Bắc Ninh. Sau đó anh về nhà lo công việc gia đình còn chị Ph tiếp tục ở lại làm công nhân ở Bắc Ninh. Khi chị Ph về nhà nghỉ lễ anh thấy chị Ph có dấu hiệu khác thường, nghi ngờ chị Ph có quan hệ với người khác nên anh và chị Ph xảy ra cãi vã nên chị Ph đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ và sống ly thân từ đầu tháng 5/2023. Anh đã nhiều lần đến khuyên nhủ, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Ph kiên quyết không quay về đoàn tụ cùng anh. Anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị Ph không có gì lớn nên không nhất trí lý hôn với chị Ph mà đề nghị chị Ph quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Trường hợp chị Ph nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Triệu Yến Ch và Triệu Kiều V, anh yêu cầu chị Ph phải có trách nhiệm nuôi dưỡng các con cùng anh và yêu cầu chị Ph phải trả số tiền gia đình anh tổ chức đám cưới là 50.000.000đ. Quá trình chung sống anh và chị Hoàng Thị Ph không có tài sản chung.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương, nội dung thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Ph và anh Triệu Văn T được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, tự nguyên chung sống từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau ngày cưới, vợ chồng chị Hoàng Thị Ph, anh Triệu Văn T về sống cùng gia đình mẹ đẻ của anh Tá là bà Phương Mùi S tại thôn X, xã G, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến khoảng năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Anh T thường xuyên uống rượu say sau đó về đánh chửi vợ con. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn nên chị Ph đã bỏ đi nơi khác và sống ly thân với anh T từ khoảng tháng 5/2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị Ph và anh T không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Do đó chính quyền địa phương nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hoàng Thị Ph và anh Triệu Văn T đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị Ph theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Hoàng Thị Ph và anh Triệu Văn T có 02 con chung là cháu Triệu Yến Ch, sinh ngày 22/9/2014 và Triệu Kiều V, sinh ngày 18/12/2015.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Hoàng Thị Ph và anh Triệu Văn T sống cùng nhà với mẹ đẻ anh Triệu Văn T là bà Phương Mùi S nên không có tài sản, đất đai, vay nợ chung.

Về hộ khẩu thường trú: Sau khi cưới vợ chồng chị Hoàng Thị Ph và anh Triệu Văn T sống cùng gia đình mẹ đẻ anh T và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã G, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Sau đó, do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị Ph bỏ đi sống ở nơi khác còn anh T và hai con vẫn sống cùng nhà với mẹ đẻ anh T là bà Phương Mùi S tại thôn X, xã G. Thời gian gần đây anh T đi làm công nhân ở địa phương khác, thỉnh thoảng mới về nhà nhưng thường xuyên liên lạc với gia đình. Khi đi làm ăn xa anh T không làm thủ tục khai báo tạm trú tạm vắng nên hiện tại anh T đang làm gì, ở địa chỉ cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án chính quyền địa phương đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án sau đó chuyển lại cho người thân trong gia đình anh T để thông báo cho anh T biết việc chị Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T và Tòa án triệu tập anh T đến làm việc, nhưng anh T không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội

đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Hoàng Thị Ph thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Triệu Văn T chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị Ph:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Ph được ly hôn với anh Triệu Văn T.

+ Về con chung: Giao cháu Triệu Kiều V, sinh ngày 18/12/2015 cho chị Hoàng Thị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Triệu Yến Ch, sinh ngày 22/9/2014 cho anh Triệu Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị Ph và anh Triệu Văn T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Kết quả xác minh tại địa phương và lời trình bày của nguyên đơn chị Hoàng Thị Ph thể hiện vợ chồng chị Ph, anh T không có tài sản, đất đai vay nợ chung; chị Ph cũng không yêu cầu giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 50.000.000đ tiền thách cưới và tiền tổ chức đám cưới mà anh Triệu Văn T yêu cầu chị Hoàng Thị Ph phải trả trong trường hợp ly hôn do anh T yêu cầu trong nội dung Đơn đề nghị đã gửi Tòa án là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, chấp nhận.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên do chị Phấy là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn. Bị đơn anh Triệu Văn T không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Hoàng Thị Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn với anh Triệu Văn T, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh

Triệu Văn T có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn X, xã G, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Na Hang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại địa phương cho thấy bị đơn anh Triệu Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã G, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy nguyên đơn chị Hoàng Thị Ph đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn anh Triệu Văn T. Anh Triệu Văn T đi làm ăn xa nhưng không thông báo tạm trú, tạm vắng cho chính quyền địa phương biết, thỉnh thoảng có về nhà và thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không thông báo địa chỉ mới nên chính quyền địa phương không rõ anh Triệu Văn T hiện đang làm gì, ở đâu. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập; Thông báo về việc mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định của pháp luật, mặc dù anh Triệu Văn T đã biết được việc chị Hoàng Thị Ph khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh Triệu Văn T đến tham gia phiên tòa (niêm yết công khai) 02 lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Như vậy đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che dấu địa chỉ, cố tình vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình. Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn và xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 179, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Ph thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Triệu Văn T chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Ph và anh Triệu Văn T tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện N, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 06/5/2015. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau ngày cưới hai vợ chồng về chung sống tại thôn X, xã G, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không hợp về tính cách, vợ chồng không tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân với nhau từ tháng 5/2023 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Chị Ph xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Triệu Văn T để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới.

Trong Đơn đề nghị gửi Tòa án, bị đơn anh Triệu Văn T xác định giữa anh và chị Ph không có mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên, anh T cũng thừa nhận do vợ chồng không có sự tin tưởng nhau nên đã xảy ra cãi vã, sau đó chị Ph đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ và sống ly thân với anh từ tháng 5/2023 cho đến nay không còn

quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Anh cũng đã nhiều lần khuyên nhủ chị Ph về đoàn tụ nhưng chị Ph kiên quyết không quay về mà tiếp tục sống ly thân với anh. Tuy nhiên, anh nhận thấy mình vẫn còn tình cảm với chị Ph, hơn nữa vì thương các con, muốn các con có đầy đủ bố mẹ nên anh không nhất trí ly hôn với chị Ph mà đề nghị chị Ph quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Hội đồng xét xử thấy rằng chị Hoàng Thị Ph và anh Triệu Văn T sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Anh T trình bày bản thân anh và hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị Ph kiên quyết không quay về đoàn tụ với anh. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hoàng Thị Ph và anh Triệu Văn T đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Hoàng Thị Ph được ly hôn với anh Triệu Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị Hoàng Thị Ph và anh Triệu Văn T có 02 con chung là cháu Triệu Yến Ch, sinh ngày 22/9/2014 và Triệu Kiều V, sinh ngày 18/12/2015. Quá trình giải quyết vụ án, chị Ph đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Kiều V và giao cháu Triệu Yến Ch cho anh Triệu Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Triệu Văn T phải cấp dưỡng đối với cháu Triệu Kiều V. Trong đơn gửi Tòa án, anh Triệu Văn T xác định trong trường hợp phải ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu chị Ph có trách nhiệm nuôi dưỡng các con cùng anh. Tuy nhiên, anh T không nêu cụ thể về yêu cầu cấp dưỡng trong trường hợp mình được giao nuôi con chung. Trong biên bản lấy lời khai, cháu Triệu Kiều V thể hiện nguyện vọng được sống cùng với mẹ là chị Hoàng Thị Ph; cháu Triệu Yến Ch thể hiện nguyện vọng được sống cùng bố là anh Triệu Văn T. Quá trình giải quyết vụ án, anh Triệu Văn T cố tình vắng mặt, không có ý kiến cụ thể về việc giao nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Do vậy, quyền yêu cầu cấp dưỡng đối với cháu Triệu Yến Ch của anh Triệu Văn T sẽ được giải quyết trong vụ án khác nếu anh T có yêu cầu. Để đảm bảo sự bình đẳng về quyền được nuôi con của các bên đương sự và theo nguyện vọng của các con, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Triệu Kiều V cho chị Hoàng Thị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Triệu Yến Ch cho anh Triệu Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị Ph và anh Triệu Văn T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai chung: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Ph xác định không có tài sản, đất đai chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong Đơn đề nghị gửi Tòa án, anh Triệu Văn T cũng xác định không có tài sản, đất đai chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

* Về vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Ph xác định không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong Đơn đề nghị gửi Tòa án, anh Triệu Văn T yêu cầu chị Hoàng Thị Ph phải trả lại số tiền thách cưới và tiền tổ chức đám cưới là 50.000.000đ trong trường hợp phải ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng việc kết hôn giữa chị Hoàng Thị Ph và anh Triệu Văn T là tự nguyện, việc tổ chức cưới hỏi được hai bên gia đình tổ chức theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên chị Hoàng Thị Ph làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Triệu Văn T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do vậy, việc anh Triệu Văn T yêu cầu chị Hoàng Thị Ph phải trả lại số tiền thách cưới và tổ chức đám cưới là không có căn cứ để xem xét, chấp nhận.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị Ph phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được miễn do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Triệu Văn T không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị Ph.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Ph được ly hôn với anh Triệu Văn T (*Giấy chứng nhận kết hôn số 05, ngày 06/5/2015 tại UBND xã G, huyện N, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Kiều V, sinh ngày 18/12/2015 cho chị Hoàng Thị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Triệu Yến Ch, sinh ngày 22/9/2014 cho anh Triệu Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị Ph và anh Triệu Văn T không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Hoàng Thị Ph. Bị đơn anh Triệu Văn T không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Ph được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Triệu Văn T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hữu San